

NGHỊ QUYẾT

**Thông nhất nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư
Dự án Khu đô thị dịch vụ cụm công nghiệp Tân An,
phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết thống nhất nội dung chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị dịch vụ cụm công nghiệp Tân An, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Khu đô thị dịch vụ cụm công nghiệp Tân An, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn VN Đà Thành có địa chỉ trụ sở: Số 105 đường Lê Lợi, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Địa điểm, ranh giới, quy mô diện tích đất của dự án:

a) Địa điểm: Phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

b) Ranh giới:

+ Phía Đông giáp: Đường Hà Huy Tập.

+ Phía Tây giáp: Đường lô cà phê.

- + Phía Nam giáp: Đường lô cà phê.
- + Phía Bắc giáp: Đường vào tổ dân phố 9.

c) Quy mô sử dụng đất: 21,74 ha.

4. Mục tiêu, hình thức đầu tư:

a) Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu đô thị dịch vụ cụm công nghiệp theo quy hoạch theo được duyệt, đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân, tạo kiến trúc cảnh quan đô thị thành phố Buôn Ma Thuột.

b) Hình thức đầu tư: Xây dựng mới đồng bộ toàn dự án.

5. Nội dung chính của dự án:

STT	Tên hạng mục công trình	Diện tích XD (m ²)	Mật độ XD (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tỷ lệ chiếm đất (%)
I	Hạ tầng kỹ thuật	92.621,9	-	-	40,81
1	Đường giao thông	81.193,7	-	-	35,78
2	Bãi đỗ xe công cộng	4.227,4	-	-	1,86
3	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	928,6	-	-	0,41
4	Đất cây xanh cách ly	6.272,2	-	-	2,76
5	Hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện chung toàn khu vực, hệ thống thu gom rác thải	-	-	-	-
II	Đầu tư xây dựng các hạng mục nhà ở	105.546,6	-	-	46,51
1	Nhà ở liên kế phân lô nhà cấp III, từ 02-04 tầng	67.826,5	80	1,6÷3,2	29,89
2	Nhà ở xã hội	24.913,1	-	-	10,98
	Nhà chung cư cấp III, 04 tầng		40	1,6	-
	Nhà ở liên kế cấp III, từ 01-02 tầng.		80	0,8÷1,6	-
3	Nhà chung cư + Thương mại, cấp III, từ 05-07 tầng.	12.807,0	40-60	2,0÷4,2	5,64
III	Công trình hạ tầng xã hội:	14.856,0	-	-	6,55
1	Hội trường tổ dân phố xây dựng mới, cấp III, từ 01-03 tầng.	1.007,0	40,00	0,4÷1,2	0,44
2	Trạm y tế, cấp III, từ 01-03 tầng.	2.311,5	40,00	0,4÷1,2	1,02
3	Trường mẫu giáo, cấp III, từ 01-03 tầng	3.710,0	40,00	0,4÷1,2	1,63
4	Trường trung học, cấp III, từ 01-03 tầng	7.827,5	40,00	0,4÷1,2	3,45
IV	Đất cây xanh	13.927,0	-	-	6,14
	Tổng cộng:	226.951,50	-	-	100,00

6. Tổng mức đầu tư khoảng 614 tỷ đồng, (bằng chữ: Sáu trăm mười bốn tỷ đồng).

Nguồn vốn đầu tư của chủ đầu tư 20% và vốn vay các tổ chức tín dụng 80%.

7. Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Thực hiện dự án theo quy định của pháp luật đất đai và các quy định hiện hành khác có liên quan.

8. Các công trình hạ tầng chủ đầu tư được quản lý hoặc phải chuyển giao cho Nhà nước sau khi hoàn thành việc xây dựng: Chủ đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật sau đó chuyển giao Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Thời gian thực hiện dự kiến: 48 tháng (từ năm 2019-2022).

- Giai đoạn I: Hoàn thành các thủ tục pháp lý, tiến hành giải phóng mặt bằng và xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật: 12 tháng.

- Giai đoạn II: Đầu tư xây dựng các hạng mục nhà ở và công trình công cộng phục vụ của dự án: 34 tháng.

- Giai đoạn III: Hoàn thành dự án và chuyển giao các hạng mục hạ tầng kỹ thuật cho Nhà nước quản lý: 02 tháng.

10. Các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án và điều kiện áp dụng: Dự án được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp bất thường thông qua ngày 06 tháng 5 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê